

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tổng Nê

2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 463/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy Á, sinh năm 1991; ĐKTT: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Thúy Á trình bày:

Bà Á và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Cả hai đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ đầu tháng 10/2022 đến nay. Do không còn tình cảm với ông T nên bà Á yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Mai Huyền M, sinh ngày 18/5/2015. Bà Nguyễn Thúy Á yêu cầu nuôi Nguyễn Mai Huyền M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản làm việc ngày 21/10/2024 và đơn yêu cầu vắng mặt ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà Á kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn như bà Á đã trình bày trong đơn khởi kiện. Ông T đồng ý ly hôn với bà Á, ông T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đồng ý để bà Nguyễn Thúy Á nuôi 01 con chung tên Nguyễn Mai Huyền M, sinh ngày 18/5/2015, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Á đối với ông T, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Bà Á được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Mai Huyền M, sinh ngày 18/5/2015; ghi nhận bà Á không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy Á, bị đơn ông Nguyễn Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Á, ông T là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Á và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015 là

phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Á khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn với bà Á. Bà Á cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bà Đỗ Thị Kim Y (là dì ruột của bà Á) trình bày: Không biết cụ thể vợ chồng mâu thuẫn thế nào nhưng bà Á về nhà mẹ ruột sống khoảng 02 năm nay, hai vợ chồng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Điều này cho thấy bà Á và ông T đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà Á và ông T không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà Á và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Á đối với ông T là phù hợp quy định pháp luật. Bà Á, ông T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà Á và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Mai Huyền M, sinh ngày 18/5/2015. Bà Nguyễn Thúy Á yêu cầu nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 16/10/2024, cháu M trình bày mong muốn được sống với bà Á nếu cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên giao Nguyễn Mai Huyền M, sinh ngày 18/5/2015 cho bà Nguyễn Thúy Á tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Á tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Á, ông T khai không có nên không xét đến.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Á phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thúy Á đối với ông Nguyễn Văn T. Bà Nguyễn Thúy Á được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thúy Á và ông Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thúy Á, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thúy Á được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Mai Huyền M, sinh ngày 18/5/2015. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thúy Á tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thúy Á, ông Nguyễn Văn T khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thúy Á phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0003149 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thúy Á đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Đức;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền